

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 229/2024/HSST

Ngày: 24-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Nguyệt ;

Thẩm phán: Ông Lê Ngọc Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Tới;

Ông Lê Như Hạnh;

Bà Nguyễn Thị Mai Hoa ;

- Thư ký phiên toà: Ông Nghiêm Xuân Đạt -Thư ký TAND tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Ông Lê Hữu H - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 227 /2024/TLST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 255/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Lê Thị N; Tên gọi khác: không; Sinh năm 1989; Tại Thanh Hoá Nơi ĐKNK và nơi ở: Tổ dân phố Đ, phường H, thị xã N, Thanh Hóa. Nghề nghiệp: lao động tự do ; Văn hoá: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: Nữ; số CCCD: 038189014060; Con ông: Lê Ngọc Q,(đã chết) và bà: Vũ Thị M; Chồng: Lê Công H1, C bốn con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2022; Tiền sự: không;

Tiền án: Ngày 05/7/2022, bị Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn xử phạt 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Đã chấp hành xong bản án.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/5/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T.

Người bào chữa cho bị cáo:

Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị N: Luật sư Nguyễn Thị H2 - Công ty L1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh T.

Địa chỉ: Số G T, phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị hại: 1. Bà Đỗ Thị H3, sinh năm 1969;(Có mặt)

Địa chỉ: Thôn X, xã T, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa;

Bà Lê Thị N1, sinh năm 1972; (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa;

Bà Lê Thị Thu H4, sinh năm 1985; (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường T, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa;

Người làm chứng: Chị Lê Thị T, sinh năm 2001; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa;

Ông Lê Công H1, sinh năm 1983;(Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, Thị xã N, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản

Ngày 05/7/2022, Lê Thị Ngọc B Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa tuyên phạt 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Bản án số 87/2022-HSST và được hoãn chấp hành án phạt tù do đang có thai. Thời điểm này N không có công việc ổn định, lại đang có thai nên cần tiền chi tiêu cá nhân, N đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. N đưa ra nhiều thông tin gian dối như N đang sở hữu nhiều bất động sản; được thừa kế một khoản tiền lớn trong ngân hàng, có nhiều mối mua hải sản giá rẻ nhằm làm cho các bị hại tin tưởng và đưa tiền cho N và N đã chiếm đoạt tiền của các bị hại. Cụ thể hành vi phạm tội như sau:

1.1. Chiếm đoạt tiền của bà Đỗ Thị H3, sinh năm 1969, ở thôn X, xã T, thị xã N, Thanh Hóa

Vào khoảng tháng 9/2022, Lê Thị Ngọc thông Q1 chị Tống Thị H5, sinh năm 1983, trú tại thôn T, xã T, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa (chị H5 đã chết ngày 05/02/2023) để làm quen với bà Đỗ Thị H3. Sau khi thân quen, N nói dối bà H3 là N được thừa kế số tiền 8.750.000.000 đồng của chồng tên là Lê Đình T1 đang gửi tại Ngân hàng A1, nhưng T1 đã bị tai nạn giao thông chết, không có di chúc nên N muốn lấy số tiền này thì phải làm một số thủ tục để hợp thức hóa và hỏi mượn tiền bà H3 để làm thủ tục, hứa hẹn sau khi lấy được tiền sẽ trả cho bà H3. Để bà H3 tin tưởng, N sử dụng số điện thoại sim rác 0839453362 gọi điện cho bà H3 và giới thiệu là Trần Thị N2 - cán bộ Ngân hàng A1 trao đổi về việc N đang làm thủ tục để nhận tiền của chồng là Lê Đình T1. Sau khi nghe điện thoại thì bà H3 tin tưởng N và đồng ý cho vay tiền nhiều lần. Sau đó, để bà H3 tiếp tục tin tưởng, đưa tiền cho mình, Lê Thị N đã thuê một cá nhân sử dụng nick Zalo tên "Thời Trang" (N không biết thông tin tên tuổi, địa chỉ, số điện thoại của cá nhân này) làm giả “Giấy ủy quyền giao dịch ngân hàng” với nội dung: N ủy quyền cho bà Đỗ Thị H3 được quyền sử dụng, giao dịch rút số tiền 8.750.000.000 đồng tại Ngân hàng A1, sau đó chụp ảnh gửi cho bà H3 xem; sử dụng các số điện thoại

(sim rác) 0375837114, 0589019257 gọi điện cho bà H3, giả giọng nói và tự giới thiệu là ông H6 - người có chức vụ lớn ở ngân hàng tổng tại Hà Nội; ông Lê Đình T2 - chú ruột của T1 làm trong ngân hàng; chị T3 - quản lý tại Ngân hàng A1 tại N; chị Hoàng Thị Thùy L - nhân viên pháp lý Tòa án tỉnh Thanh Hóa để nói về việc N đang có khoản tiền 8.750.000.000đ trong ngân hàng, tác động để bà H3 đưa tiền cho N hoặc chuyển tiền đến những tài khoản mà N yêu cầu. Bà H3 tin tưởng nên nhiều lần đưa tiền cho N bằng hình thức đưa tiền mặt 557.840.000 đồng (không có giấy giao nhận tiền, bà H3 có sổ tự theo dõi) và chuyển 442.160.000 đồng vào các số tài khoản ngân hàng N cung cấp gồm: tài khoản số 3522205025691 mở tại Ngân hàng A1, chủ tài khoản Hoàng Thị Thùy L; tài khoản số 030074675987 mở tại Ngân hàng S1, chủ tài khoản Lê Thị N và tài khoản số 0481000211853 mở tại Ngân hàng V chủ tài khoản Trần Thị N2 (bà H3 nhờ con gái là Lương Thị N3 có tài khoản số 00875105602 ở Ngân hàng T4, con trai là Lương Q2 có tài khoản số 7610113076001 ở Ngân hàng M1 và anh Lê Đình B1 có tài khoản số 840011709008 Ngân hàng M1 chuyển khoản hộ) . Sau khi đưa số tiền 1.000.000.000 đồng (01 tỷ đồng) cho N3, bà H3 không thấy trả tiền nên khoảng tháng 4/2023 bà H3 yêu cầu N3 phải có tài sản để làm tin nếu không sẽ báo Công an. Do lo sợ bị phát giác, N3 tiếp tục liên lạc với người có nick Zalo tên "Thời Trang" đặt làm giả 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số CQ 954280 do UBND thành phố T cấp cho Lê Đình T1 (sinh năm 1984, trú tại phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa) và Lê Thị N và đem đến đưa cho bà H3 để làm tin, đồng thời viết giấy xác nhận đang nợ bà H3 1.000.000.000 đồng (một tỷ) . Đến ngày 19/6/2023, Lê Thị N tiếp tục đến nhà đưa cho bà H3 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 155871 do UBND thị xã N cấp cho Lê Thị N, nhờ bà H3 sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này đi vay cho N 150.000.000 đồng. Do nghi ngờ nên bà H3 đến UBND thị xã N để xác minh và biết được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 155871 là giả. UBND thị xã N đã tạm giữ và chuyển Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 155871 đến Cơ quan CSĐT Công an thị xã N để giải quyết theo quy định . Bà H3 giao nộp cho Cơ quan điều tra Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 954280 và các giấy tờ khác có liên quan.

Tổng số tiền N đã chiếm đoạt của bà Đỗ Thị H3 là 1.000.000.000 đồng (một tỷ), N đã sử dụng toàn bộ để chi tiêu cá nhân.

1.2. Chiếm đoạt tiền của chị Lê Thị N1, sinh năm 1972, ở tổ dân phố B, phường H, thị xã N, Thanh Hóa

Chị Lê Thị N1 và Lê Thị Ngọc C1 làm ở công ty M2 nên quen biết nhau. Năm 2019, N có vay chị N1 50.000.000 đồng và đã trả được 20.000.000 đồng. Sau đó, từ năm 2019 đến năm 2022, N có vay thêm chị N1 nhiều lần nữa với tổng số tiền và vàng với giá trị là 214.000.000 đồng (BL 967). Chị N1 nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng N đưa ra nhiều lý do để khất nợ.

Tháng 7/2022 Lê Thị Ngọc bị Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn xử phạt về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nhưng được hoãn thi hành án do đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi. Chị Lê Thị N1 vẫn tiếp tục yêu cầu N trả tiền vay. Lúc này

khoảng tháng 4/2023, do N cần tiền nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của chị N1. N tiếp tục đặt mua của nick Zalo tên “Thời Trang” 01 “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CB 155882, thửa đất số 98, tờ bản đồ số 28, địa chỉ thửa đất tổ dân phố Đ, phường H, thị xã N, Thanh Hóa cấp cho Lê Thị N”, sau đó N đến gặp chị N1 và nói muốn bán mảnh đất này với giá 500.000.000 đồng. Chị N1 tin tưởng N có đất, mặt khác muốn lấy lại số tiền N đang vay của mình nên chị N1 đồng ý mua. N yêu cầu chị N1 đặt cọc 30.000.000 đồng và viết giấy nhận tiền đặt cọc, đồng thời giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 155882 cho bà N1 (BL 430-431). Đến khoảng tháng 6/2023, N đến gặp chị N1 mượn lại giấy chứng nhận QSD đất nói trên (N đem giấy này thế chấp cho khoản nợ của chị Lê Thị Thu H4). Chị N1 yêu cầu N trả tiền nợ trước đây, nhưng N nói dối số tiền N được bảo hiểm chi trả hiện chưa lấy được, cần phải có tiền “bôi trơn” cho ngân hàng nên tiếp tục hỏi vay tiền của chị N1. Chị N1 vì tin tưởng và cũng muốn nhanh chóng lấy lại tiền nợ nên đã đồng ý đưa tiền cho N. Trong thời gian từ tháng 4/2023 đến tháng 6/2023 chị N1 đã đưa cho N tổng 143.800.000 đồng (trong đó đưa tiền mặt là 94.300.000 đồng nhưng không có giấy tờ, chuyển khoản vào tài khoản số 030085690171 mở tại ngân hàng S1 mang tên Lê Công H1 là 49.500.000 đồng) (BL 966). Toàn bộ số tiền chiếm đoạt của chị N1 là 173.800.000 đồng (một trăm bảy mươi ba triệu tám trăm nghìn) N đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

1.3. Chiếm đoạt tiền của chị Lê Thị Thu H4, sinh năm 1985, ở tổ dân phố T, phường T, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa

Chị Lê Thị Thu H4 quen biết Lê Thị N từ khoảng tháng 4/2023, do có mua gia cầm của N. Thời điểm này, do đang cần tiền nên N đã nói dối có nguồn bán hải sản giá rẻ rủ chị H4 buôn bán. Sau khi chị H4 đồng ý thì N yêu cầu chị đưa tiền cho N để mua hải sản nhập cho chị H4. Chị H4 tin tưởng nên đã đưa tiền cho N; N đã sử dụng một phần số tiền để mua cá bán lại cho chị H4 với giá rẻ hơn giá mua, mục đích để chị H4 tin tưởng và tiếp tục đưa tiền cho N, phần còn lại thì N chiếm đoạt chi tiêu cá nhân. Cụ thể hành vi của N như sau:

Tháng 4/2023, N giới thiệu với chị H4 có mối bán hải sản tươi giá rẻ. Chị H4 đồng ý đầu tư tiền cho N mua hải sản để bán lại cho chị. Chị H4 đã nhiều lần đưa tiền cho N, nhưng không nhớ cụ thể là bao nhiêu. Sau khi nhận tiền của chị H4, N đã sử dụng một phần tiền để mua hải sản bán lại cho chị H4 với giá rẻ và chiếm đoạt số tiền còn lại là 300.000.000 đồng.

Đến cuối tháng 5/2003, N tiếp tục nói dối có mối hải sản khô giá rẻ ở H, H thuộc thị xã N, hỏi chị H4 có muốn đầu tư không. Chị H4 đồng ý và thống nhất đưa tiền cho N để mua hải sản về giao cho chị. Sau đó, chị H4 đã nhiều lần đưa tiền mặt cho N, N chỉ sử dụng một phần để mua hải sản khô về giao lại cho chị H4, nhưng thông báo giá mua thấp hơn với giá mà N mua thực tế để chị H4 tin tưởng. Sau đó, khi N đã chi tiêu hết số tiền chị H4 đưa thì N nói dối là hàng cá khô hiện đang gửi ở nhà người quen của N và viện nhiều lý do để không đưa hàng cho chị H4. Tổng số tiền mà N đã chiếm đoạt của chị H4 để phục vụ cho việc mua cá khô là 1.000.000.000 đồng.

Trong khi đang lừa dối chị H4 về việc mua cá khô trên, do không còn tiền để mua hàng cá khô cho chị H4 và chi tiêu nên N tiếp tục nói với chị H4 là: mỗi cá khô ở N đang bắt chẹt, đòi giá cao hơn và N có mỗi cá khô ở Hải Phòng giá rẻ hơn, hỏi chị H4 có mua không. Chị H4 tin tưởng N nên đồng ý. N giới thiệu đầu mối bán hàng cá khô ở Hải Phòng tên là T và cho số điện thoại 0852.281.047 (thực tế đây là số điện thoại của chị Lê Thị T, sinh năm 2001, ở tổ dân phố H, phường H, thị xã N là cháu ruột N) và thống nhất chị H4 chỉ việc chuyển tiền vào tài khoản, còn việc giao dịch mua bán thì N thực hiện, đồng thời N đưa cho chị H4 02 số tài khoản ngân hàng gồm tài khoản số 3522281013801 mở tại ngân hàng A1 và tài khoản số 0333831513 mở tại ngân hàng M3 là số tài khoản của chị Lê Thị T. Sau đó, chị H4 sử dụng 02 tài khoản gồm tài khoản số 3522215003100 mở tại ngân hàng A1, chủ tài khoản Lê Thị Thu H4 và tài khoản số 0966704259 mở tại ngân hàng M3, chủ tài khoản Lê Ngọc H7 (chồng chị H4) chuyển 11 lần với tổng số tiền 841.000.000 đồng vào 02 số tài khoản của T (BL 391-394). Sau khi chị H4 chuyển tiền, N đã mượn thẻ của chị T để trực tiếp rút tiền và nhờ chị T rút tiền, rồi đưa toàn bộ cho chị T số tiền này để mua cá khô giao cho chị H4 và nói đây là hàng cá khô mua tại N. Còn đối với số hàng cá khô mua ở Hải Phòng thì N nói dối chị H4 là xe chở hàng đi đến Ninh Bình thì bị tai nạn nên không có cá để giao, viện nhiều lý do để không giao hàng. Sau đó, N đã mua bù cho chị H4 02 tấn cá khô ở N với giá 281.000.000 đồng, số tiền còn lại là 560.000.000 đồng thì N chiếm đoạt, không trả cho chị H4.

Sau khi thống nhất và xác nhận các khoản tiền N đã lấy của chị H4 nhưng không mua hải sản, chị H4 yêu cầu N phải có tài sản đảm bảo. Lo sợ bị phát giác hành vi lừa đảo, N đến nhà bà Lê Thị N1 hỏi mượn và lấy lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 155882 đã đưa cho bà N1 trước đó và đặt mua thêm của nick Zalo Thời Trang 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả khác số CB 155534 và DI 289752 đều mang tên Lê Thị Ngọc. Ngày 07/6/2023, Lê Thị N và chị Lê Thị Thu H4 đã thống nhất chốt với nhau số tiền mà N đang nợ chị H4 của cả ba khoản nêu trên đồng thời N đã lập 03 hợp đồng ký gửi nhà đất với nội dung N ký gửi 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nêu trên cho vợ chồng chị H4 với giá lần lượt là 560.000.000 đồng, 300.000.000 đồng và 1.000.000.000 đồng, nếu không trả được theo thỏa thuận thì N phải chuyển nhượng các lô đất này cho vợ chồng chị H4. Sau khi phát hiện hành vi của Lê Thị N, chị H4 tố cáo đến Cơ quan điều tra và giao nộp các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 155882, CB 155534 và DI 289752.

Tổng số tiền Lê Thị N đã chiếm đoạt của chị H4 là 1.860.000.000 đồng (một tỷ tám trăm sáu mươi triệu), N đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê Thị N và thu giữ: 03 bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 155871 mang tên Lê Thị N, số CQ 954280 mang tên Lê Đình T1 và Lê Thị N và số CB 155852 mang tên Lê Thị N; 05 (năm) bản gốc tài liệu là “Giấy ủy quyền giao dịch ngân hàng” được in Logo của ngân hàng A1 và 01 điện thoại di động ViVo. Quá trình điều tra, N giao nhận 01 điện thoại OPPO A 57.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định giấy CNQSD đất, Giấy ủy quyền của Ngân hàng A1, giám định chữ ký, chữ viết trên các hợp đồng, giấy nhận tiền. Tại bản Kết luận giám định số 3338/KL-KTHS ngày 20/9/2023, số 3341/KL-KTHS ngày 20/9/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh T đã kết luận .

- Các Giấy CNQSD đất số CB 155882, số CB 155534, số DI 289752, số CQ 954280 và số CB 155871 là giả (bao gồm phôi in, hình dấu và chữ ký).

- Chữ ký, chữ viết, dấu vân tay trên các giấy vay tiền, giấy nhận tiền và hợp đồng ký gửi nhà đất là do Lê Thị Ngọc K, viết, điểm chỉ.

- Dấu tròn đỏ có nội dung “Ngân hàng N5 chi nhánh huyện N, Thanh Hóa phòng G” ở 05 Giấy ủy quyền giao dịch ngân hàng không phải là hình dấu đóng trực tiếp.

Về trách nhiệm dân sự: bà Đỗ Thị H3 yêu cầu Lê Thị N bồi thường 01 tỷ đồng, N đã bồi thường cho bà H3 30.000.000 đồng, số tiền còn lại 970.000.000 đồng, bà H3 yêu cầu N bồi thường tiếp; chị Lê Thị N1 yêu cầu bồi thường 173.800.000 đồng, chị Lê Thị Thu H4 yêu cầu 1.860.000.000 đồng, N chưa bồi thường cho chị N1, chị H4.

2. Hành vi Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức

Quá trình điều tra xác định nguồn gốc của các giấy tờ giả là do N mua của nick Zalo tên Thời trang 05 (năm) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm các số CQ 954280, CB 155871, CB 155534, DI 289752 và CB 155882; 03 (ba) bản sao của 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 155871, CQ 954280 và CB 155852 và 05 (năm) Giấy ủy quyền giao dịch ngân hàng có nội dung Lê Thị N ủy quyền cho bà Đỗ Thị H3 nhận tiền. N không biết thông tin cá nhân của người sử dụng nick zalo này. Khi cần đặt làm tài liệu giả, N đã cung cấp thông tin cho tài khoản “Thời trang” và chuyển tiền phí với giá 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng/01 tài liệu, sau đó vài ngày thì N nhận được tài liệu giả do S giao đến. N đã chuyển 07 lần với tổng số tiền 19.500.000đ vào tài khoản số 711755799, mở tại ngân hàng M3, chủ tài khoản Trần Huỳnh Duy A, địa chỉ 6 X, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Cơ quan điều tra đã xác minh thông tin chủ tài khoản, kết quả: không có người tên “Trần Huỳnh Duy A” đang cư trú tại địa chỉ trên.

Tại Cơ quan điều tra, Lê Thị N đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với tài liệu, chứng cứ đã thu thập được (BL số 932-967).

Vật chứng vụ án gồm: 02 chiếc điện thoại di động gồm: 01 điện thoại OPPO A57, màu xanh ngọc, Emei 1: 867950064964552, Emei 2: 867950064964545 và 01 điện thoại Vivo V2043 màu xanh, IMEI sim 1 865732058954639; IMEI sim 2 865732058954621 chuyển Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa và các giấy tờ, tài liệu giả được kèm theo hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 53/CT-VKS-P3 ngày 14 /11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá truy tố bị cáo Lê Thị Ngọc về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội “Sử dụng

tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự .

Tại phiên tòa, trong phần luận tội đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự; đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Lê Thị N từ 15 (Mười lăm) năm tù đến 16(Mười sáu) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 năm tù đến 04 năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội từ 18 năm đến 20 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Trước khi phạm tội bị cáo là lao động tự do, không có nghề nghiệp và không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Số tiền bị cáo Lê Thị N chiếm đoạt của bị hại là bà Đỗ Thị H3 01 tỷ đồng, N đã bồi thường cho bà H3 23.000.000 đồng, số tiền còn lại 977.000.000 đồng, bà H3 yêu cầu N bồi thường tiếp; chị Lê Thị N1 yêu cầu bồi thường 173.800.000 đồng, chị Lê Thị Thu H4 yêu cầu 1.860.000.000 đồng, N chưa bồi thường cho chị N1, chị H4.

Tại phiên tòa bị cáo cũng đồng ý bồi thường số tiền này cho cho các bị hại. Nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 589 BLDS buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại số tiền nêu trên.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DS giá ngạch theo quy định pháp luật.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng. Bị cáo không có ý kiến bào chữa. Tại phần tranh luận bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Luật sư bào chữa của bị cáo đồng ý với tội danh và điều luật mà VKSND tỉnh Thanh Hoá truy tố. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, khi phạm tội bị cáo là phụ nữ có thai, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng, sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần cho bị hại . Do vậy đề nghị HĐXX căn cứ điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử bị cáo mức hình phạt thấp nhất dưới mức hình phạt của Viện kiểm sát đề nghị.

Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến tranh luận với luật sư bào chữa cho bị cáo:

Người bị hại tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải trả cho bị hại số tiền đã chiếm đoạt. Về hình phạt đề nghị hội đồng xét xử theo quy định pháp luật.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của điều tra viên, kiểm sát viên, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, một lần nữa bị cáo Lê Thị N khai nhận: Do có mục đích chiếm đoạt tài sản để chi tiêu cá nhân, từ tháng năm 2022 đến năm 2023, Lê Thị N đã đưa các thông tin giả dối về việc bản thân được hưởng số tiền lớn trong ngân hàng, được hưởng tiền bảo hiểm, có môi bán hàng giá rẻ, có đất bán làm cho các bị hại Đỗ Thị H3, Lê Thị N1 và Lê Thị Thu H4 tin tưởng cho vay tiền, đầu tư tiền để mua hàng hóa, đặt cọc để chuyển nhượng đất. Sau khi nhận tiền của các bị hại, Lê Thị N đã chiếm đoạt và sử dụng chi tiêu cá nhân.

Tổng số tiền N đã chiếm đoạt tiền của 03 bị hại là 3.033.800.000 đồng (ba tỷ không trăm ba mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng), trong đó bị hại Đỗ Thị H3 là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), bị hại Lê Thị N1 là 173.800.000 đồng (một trăm bảy mươi ba nghìn tám trăm đồng), bị hại Lê Thị Thu H4 1.860.000.000 đồng (một tỷ tám trăm sáu mươi triệu đồng).

Để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, Lê Thị N đã một người không quen biết thông qua tài khoản Zalo “Thời trang” để làm giả 05 giấy ủy quyền của Ngân hàng N5 và 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó N đã sử dụng giấy ủy quyền của Ngân hàng N5, 01 giấy CNQSD đất giả trên để lừa dối bà Đỗ Thị H3 và ký hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng đất với bị hại Lê Thị N1 và chiếm đoạt tiền của họ

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản làm việc, lời khai của người bị hại, người làm chứng, tang vật thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi nêu trên của bị cáo Lê Thị N có đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội danh và khung hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015. .

Do vậy cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T khởi tố bị cáo, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa truy tố bị cáo Lê Thị N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3]. Về tính chất vụ án:

Đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản: Bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của bị hại dùng thủ đoạn gian dối, nói dối các bị hại làm cho các bị hại tin tưởng

và giao tiền cho bị cáo. Số tiền bị cáo lừa đảo chiếm đoạt của 03 bị hại là 3.033.800.000 đồng. Sau khi nhận được tiền Lê Thị N chiếm đoạt toàn bộ số tiền của các bị hại để chi tiêu cá nhân.

Đối với hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức: Để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, Lê Thị N đã thuê một người không quen biết thông qua tài khoản Z “Thời trang” để làm giả 05 giấy ủy quyền của Ngân hàng N5 và 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó N đã sử dụng giấy ủy quyền của Ngân hàng N5, 01 giấy CNQSD đất giả trên để lừa dối bà Đỗ Thị H3 và ký hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng đất với bị hại Lê Thị N1 và chiếm đoạt tiền của họ

Hành vi của bị cáo Lê Thị N đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, xâm phạm trật tự quản lý hành chính, xâm phạm trật tự an toàn công cộng là hành vi nguy hiểm cho xã hội, do đó cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[4]. Về nhân thân và trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo có nhân thân xấu đã có tiền án về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục phạm tội. Trong vụ án này bị cáo phạm tội nhiều lần, số tiền chiếm đoạt của bị hại là 3.033.800.000 đồng (ba tỷ không trăm ba mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng). Với tính chất vụ án, hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, việc cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian là cần thiết, nhằm cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[4.1]. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần. Bị cáo đã có án tích chưa được xóa lại tiếp tục phạm tội, do vậy bị cáo phải chịu các tình tiết tăng nặng đó là tái phạm và phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 BLHS.

[4.2]. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, khi phạm tội bị cáo đang có thai, hiện nay bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 23 triệu đồng, nên áp dụng điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Trước khi phạm tội bị cáo là lao động tự do, không có nghề nghiệp và không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Theo các bị hại báo cáo số tiền bị cáo chiếm đoạt tiền của 03 bị hại là 3.033.800.000 đồng (ba tỷ không trăm ba mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng), trong đó bị hại Đỗ Thị H3 là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), bị hại Lê Thị N1 là 173.800.000 đồng (một trăm bảy mươi ba nghìn tám trăm đồng), bị hại Lê Thị Thu H4 1.860.000.000 đồng (một tỷ tám trăm sáu mươi triệu đồng). Hiện bị cáo mới bồi thường cho bị hại Đỗ Thị H3 số tiền 23 triệu đồng. Nay các bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền trên. Bị cáo thừa nhận số tiền chiếm đoạt của các bị hại và đồng ý có trách nhiệm trả cho các bị hại là bà Đỗ Thị H3 số tiền 977.000.000 đồng, bị hại Lê Thị N1 số tiền là

173.800.000 đồng (một trăm bảy mươi ba nghìn tám trăm đồng), bị hại Lê Thị Thu H4 1.860.000.000 đồng (một tỷ tám trăm sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật các bị hại có đơn yêu cầu Cơ quan Thi hành án có quyết định thi hành án, bị cáo không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền phải bồi thường thì bị cáo phải chịu khoản tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền chưa thi hành theo lãi suất quy định tại điều 357 và Điều 468 BLDS.

[7]. Về vật chứng: 02 điện thoại di động gồm 01 OPPO A57, màu xanh ngọc, Emei 1: 867950064964552, Emei 2: 867950064964545 và 01 điện thoại Vivo V2043 màu xanh, IMEI sim 1 865732058954639; IMEI sim 2 865732058954621 bị cáo dùng vào việc phạm tội nên áp dụng khoản 1,2 Điều 106 BLTTHS tịch thu sung nộp ngân sách nhà nước. Hiện vật chứng trên đang được lưu giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

[8]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, b khoản 1 Điều 23; Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST và 92.216.000 đồng án phí Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 ; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 589; điều 357 và Điều 468 BLDS; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, b khoản 1 Điều 23; Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị N phạm tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. và tội " Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị N 15 (Mười lăm) năm tù tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03(Ba) năm tù về tội" Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 18 (Mười tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/5/2024.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại cụ thể như sau: Bà Đỗ Thị H3 là 977.000.000 đồng (Chín trăm bảy mươi bảy nghìn đồng), bà Lê Thị N1 là 173.800.000 đồng (một trăm bảy mươi ba nghìn tám trăm đồng), bà Lê Thị Thu H4 1.860.000.000 đồng (một tỷ tám trăm sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bị hại có đơn yêu cầu, Cơ quan Thi hành án có quyết định thi hành án, bị cáo không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền phải bồi thường nêu trên thì bị cáo phải chịu khoản tiền lãi

chậm trả tương ứng với số tiền chưa thi hành theo lãi suất quy định tại điều 357 và Điều 468 BLDS.

Người được thi hành án, người phải thi hành án có yêu cầu thi hành án, quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 1,2 Điều 106 BLTTTHS tịch thu sung nộp ngân sách nhà nước của bị cáo 02 điện thoại di động gồm 01 OPPO A57, màu xanh ngọc, Emei 1: 867950064964552, Emei 2: 01 điện thoại Vivo V2043 màu xanh, IMEI sim 1 865732058954639; IMEI sim 2 865732058954621.

Hiện vật chứng trên đang được lưu giữ tại Cục Thi hành án tỉnh Thanh Hóa. theo biên bản giao nhận vật chứng số 33/2025/TV-CTHADS ngày 10/12/2024 giữa Cục Thi hành án và Cơ quan CSĐT CA tỉnh T.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 92.216.000 đồng án phí dân sự giá ngạch.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại, người bào chữa cho bị cáo. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá (P2);
- Bị cáo; bị hại;
- Công an tỉnh Thanh Hóa (PC02);;
- Trại tạm giam công an tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu tòa HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Nguyệt

	HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thu Hà

Hoàng Thị Nguyệt

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thu Hà

Hoàng Thị Nguyệt

HỘI THẨM NHÂN DÂN